

Số: 116 /TB-QTMT

Quảng Bình, ngày 16 tháng 5 năm 2016

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

Ngày 15 tháng 5 năm 2016, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 05 điểm gồm bãi biển Quảng Phú, bãi tắm Quảng Thọ, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh đồng thời gửi mẫu cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị phân tích một số chỉ tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc					QCVN 10-MT:2015/BTNMT	
			B1	B2	B3	B4	B5	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
<b>I</b>	<b>Kết quả quan trắc, phân tích Quảng Bình ngày 15/5/2016</b>								
<b>a</b>	<b>Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng</b>								
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	26,2	27,5	27,4	29,1	30,2		
2	pH		7,8	7,7	7,9	7,9	7,8	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	7,00	6,90	6,90	7,00	6,85	≥ 5	≥ 4
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	26	34,5	34	33	26	50	50
5	Amôni (NH <sup>+</sup> <sub>4</sub> tính theo N)	mg/l	< 0,025	0,03	< 0,025	0,04	< 0,025	0,1	0,5
6	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	1,45	1,44	1,47	1,46	1,44	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,38	0,28	0,26	0,27	0,33	0,5	0,5
<b>b</b>	<b>Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều</b>								
1	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	29,8	29,1	26,8	27,1	25,8		
2	pH		7,9	7,8	7,9	8,0	7,9	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,90	6,80	7,00	6,90	7,00	≥ 5	≥ 4



4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	31	33	29	33	28	50	50
5	Amôni (NH <sup>+</sup> <sub>4</sub> ) (tính theo N)	mg/l	0,03	< 0,025	0,03	< 0,025	< 0,025	0,1	0,5
6	Florua (F <sup>-</sup> )	mg/l	1,44	1,46	1,46	1,45	1,45	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,33	0,22	0,23	0,18	0,29	0,5	0,5

**II Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 14/5/2016)**

**a Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng**

1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,05	0,17	0,06	0,08	0,05	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

**b Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều**

1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,14	< 0,01	0,07	0,07	0,04	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

**III Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 15/5/2016)**

**a Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng**

1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
---	--	------	--------	--------	--------	--------	--------	-----	-----

TRƯỞNG  
 QUẢN TRẮC  
 THUẬT  
 TRƯỞNG

2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,05	0,04	0,04	0,05	0,05	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

**b Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều**

1	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN <sup>-</sup> )	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	<0,89x10 <sup>-3</sup>	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,07	0,07	0,03	0,06	0,06	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

- Ghi chú:
- B1: Vị trí quan trắc tại bãi biển Quảng Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch
  - B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Quảng Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
  - B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
  - B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới
  - B5: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh

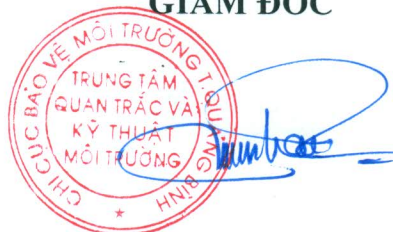
Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 18 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Website: vea.gov.vn.

Nay, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục MT;
- Sở TNMT;
- Chi cục BVMT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Anh Tuấn**



**T NG H P K T QU QUAN TR C CH TL NG N C BI N VEN B 04 T NH MI N TRUNG**  
(Ngày 13 tháng 5 n m 2016)

**1. K t qu quan tr c ch tl ng n c bi n ven b trên à bàn t nh Hà T nh**

STT	Thông s	n v	Bãi t m	Bãi t m	Bãi t m	Bãi t m	Bãi t m	Bãi t m	Bãi t m	QCVN 10- MT: 2015/BTNMT
			Xuân Thành	Xuân H i	Th ch H i	Thiên C m	K Ninh	M i ao	K Xuân	
Ngày l y m u			13/5/2016	13/5/2016	13/5/2016	13/5/2016	13/5/2016	13/5/2016	13/5/2016	Vùng bãi t m, th thao d i n c
			Chi u	Chi u	Chi u	Chi u	Chi u	Chi u	Chi u	Chi u
1.	Nhi t	°C	27,0	27,1	27,1	27,5	26,8	24,7	25	-
2.	pH		8,0	8,1	8,0	8,0	8,1	8,0	8,2	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	7,9	8,0	6,2	6,0	7,9	7,9	8,5	4,0
4.	c	NTU	2,7	3,1	5,3	2,6	3,6	13,7	16,1	-
5.	TSS	mg/L	27,0	29,0	32,0	26,0	18,0	28,0	25,0	50
6.	N - NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,06	<0,06	0,08	0,5
7.	P - PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	0,01	0,01	0,01	0,01	<0,01	0,01	0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,10	0,11	0,17	<0,10	<0,10	0,12	<0,10	0,5
9.	As	mg/L	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	<0,2	0,37	0,47	0,4	0,2	0,29	0,24	0,5
11.	CN <sup>-</sup>	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khu n/ 100mL	52	40	72	88	28	41	27	1.000



**2. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Quảng Phú, Quảng Phú, Quảng Trạch		Bãi tắm Nhật Lệ, TP. Hà Tĩnh		Bãi tắm Ái Nghĩa, Thanh Trạch, Bố Trạch		Bãi tắm Hới Ninh, Hới Ninh, Quảng Ninh		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT Vùng bãi tắm, thao dĩnh
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
Ngày lấy mẫu			13/5/2016		13/5/2016		13/5/2016		13/5/2016		
1.	Nhiệt độ	°C	25,1	25,7	25,7	25,8	25,3	25,3	25,7	25,8	-
2.	pH		7,3	7,3	7,4	7,3	7,3	7,2	7,4	7,3	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,71	6,69	6,76	6,72	6,76	6,78	6,76	6,65	4,0
4.	TSS	mg/L	33,0	35,0	25,0	14,0	16,0	25,5	34,0	32,0	50
5.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,04	0,03	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	<0,025	0,5
6.	F <sup>-</sup>	mg/L	1,45	1,44	1,44	1,42	1,43	1,45	1,45	1,43	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05
10.	Zn	mg/L	0,04	<0,01	0,02	<0,01	0,03	<0,01	0,03	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,28	0,39	0,24	0,37	0,33	0,47	0,22	0,32	0,5



**Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (tếp)**

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Quảng Thành, Quảng Thành, Bãi Ông		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT Vùng bãi tắm, thể thao dân dụng
			13/5/2016		
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	<sup>0</sup> C	25,3	25,6	-
2.	pH		7,4	7,4	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,73	6,67	4,0
4.	TSS	mg/L	36,0	33,5	50
5.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,05	0,09	0,5
6.	F <sup>-</sup>	mg/L	1,45	1,44	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 <sup>-3</sup>	<1,84x10 <sup>-3</sup>	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 <sup>-3</sup>	<0,31x10 <sup>-3</sup>	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 <sup>-3</sup>	<1,22x10 <sup>-3</sup>	0,05
10.	Zn	mg/L	0,03	<0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,36	0,46	0,5



### 3. Kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Mũi Sỏi, thị trấn Cam Lộ, Vĩnh Linh		Bãi tắm Gio Hải, xã Gio Hải, Gio Linh		Bãi tắm M. Thủy, xã Hải An, Hải Lăng		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			13/5/2016		13/5/2016		13/5/2016		Vùng bãi tắm, thao d i n c
Ngày lấy mẫu			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
1.	Nhiệt độ	°C	22,1	23,2	22,2	23,5	22,9	23,9	-
2.	pH		7,8	7,9	8,0	8,0	7,9	8,0	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,4	6,3	6,2	6,4	6,3	6,3	4,0
4.	Ca	mg/L	28,0	26,0	25,0	26,0	26,0	26,0	-
5.	TSS	mg/L	22,0	18,0	24,0	27,0	23,0	27,0	50
6.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	< 0,02	< 0,02	< 0,02	< 0,02	< 0,02	< 0,02	0,5
7.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,3
8.	Fe	mg/L	0,061	0,17	0,031	0,050	0,061	0,049	0,5
9.	Cd	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,005
10.	Pb	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,05
11.	Cu	mg/L	< 0,10	< 0,10	0,105	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,5
12.	Zn	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	1,0
13.	Mn	mg/L	0,17	0,17	0,05	0,07	0,07	0,08	0,5
14.	As	mg/L	0,0021	0,0015	0,0030	0,0037	0,0031	0,0024	0,04
15.	Hg	mg/L	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	< 0,00089	0,002
16.	Xyanua	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01
17.	Cr (VI)	mg/L	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,05
18.	Cr tổng	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2
19.	Coliform	MPN/100mL	9	23	<3	93	240	460	1.000



**4. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Lăng Cô		Bãi tắm Cảnh Dương		Bãi tắm Thuận An		Bãi tắm Quảng Ngạn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT Vùng bãi tắm, thể thao dân cư
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
Ngày lấy mẫu			13/5/2016		13/5/2016		13/5/2016		13/5/2016		
1.	Nhiệt độ	°C	23,7	23,6	23,5	23,4	26,1	24,7	25,9	24,8	-
2.	pH		8,2	8,2	8,2	8,2	8,2	8,2	8,3	8,3	6,5 ÷ 8,5
3.	EC	mS/cm	45,4	45,6	44,6	44,8	43,7	44,2	45,5	45,8	-
4.	TDS	g/L	26,5	27,5	27,4	27,5	26,7	27,0	27,7	27,9	-
5.	DO	mg/L	6,6	6,0	6,7	6,2	7,0	6,3	5,7	6,5	4,0
6.	Độ đục	NTU	<1	<1	<1	<1	<1	11	1	15	-
7.	N - NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	0,076	KPT	0,033	KPT	0,035	KPT	0,036	KPT	0,5
8.	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	mg/L	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	-
9.	P - PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	0,3
10.	CN <sup>-</sup>	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
11.	As	mg/L	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	<0,001	0,04
12.	Mn	mg/L	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	0,5
13.	Fe	mg/L	<0,09	0,09	<0,09	0,17	<0,09	0,15	<0,09	0,13	0,5
14.	Cu	mg/L	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	0,5
15.	Zn	mg/L	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	<0,051	1,0
16.	Hg	mg/L	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	KPT	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	<4,6.10 <sup>-4</sup>	KPT	KPT	0,002
17.	Ni	mg/L	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	<0,039	-
18.	Tổng phenol	mg/L	<0,005	KPT	<0,005	KPT	<0,005	KPT	<0,005	KPT	0,03

\* KPT: không phân tích

Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt nêu trên do các Trung tâm Quan trắc môi trường địa phương và thí nghiệm quan trắc vào ngày 13 tháng 5 năm 2016 tại các bãi tắm trên địa bàn 04 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Qua so sánh, chỉ số kết quả quan trắc về vi Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước bề mặt (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) cho thấy, chất lượng nước bề mặt tại các bãi tắm này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn về vùng bãi tắm, thể thao dân cư.